



Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 18/03/2024 16:54:00 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 447/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIỂM GIẢM	VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
Số: 38	
ĐẾN Ngày: 19/3/2024	
Chuyển: B. H. Hoàng Huyền	
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính được thay thế và 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.


Bãi bỏ các thủ tục hành chính số 5, 6 và sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 7 danh mục Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thay thế tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 về việc công bố

thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

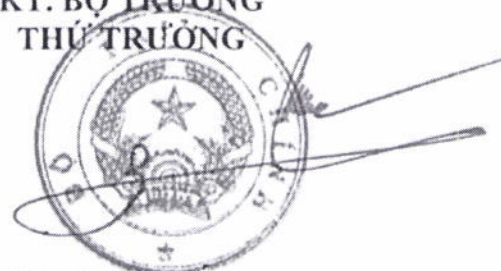
Vụ Đầu tư thực hiện việc niêm yết, công khai, nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Đầu tư, Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh), Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Kho bạc Nhà nước cấp huyện), thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ DT. (5b) 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THAY
THỂ TRONG LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 447 /QĐ-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	3.000119	Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước	Thủ tục kiểm soát thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	Kho bạc Nhà nước	Kho bạc Nhà nước các cấp
2	3.000124	Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	Kho bạc Nhà nước	Kho bạc Nhà nước các cấp

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	3.000123	Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	Kho bạc Nhà nước	Kho bạc Nhà nước các cấp

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục kiểm soát, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước:

(1) *Tên Thủ tục hành chính:* Thủ tục kiểm soát, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước.

(2) *Cách thức thực hiện:*

a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

(3) *Trình tự thực hiện:*

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây

dụng; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp giao dịch trực tuyến qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

- Đối với các khoản chi được thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau trong các trường hợp nêu tại điểm a và b phần (3) thủ tục này, thì Kho bạc Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp; đồng thời, gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo kết quả kiểm soát chi cho đơn vị (trong đó, nêu rõ lý do từ chối thanh toán); sau đó, xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo. Trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc kế hoạch vốn để giảm trừ thì Kho bạc Nhà nước có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(4.1) Hồ sơ kiểm soát, thanh toán:

a) Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với Kho bạc Nhà nước hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung):

a1) Đối với nhiệm vụ quy hoạch:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền, các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có);

- Dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch hoặc dự toán từng hạng mục công việc thực hiện nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền;

- Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) hoặc văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện).

a2) Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền (trừ trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật), các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có);

- Dự toán chi phí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) hoặc văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện).

a3) Đối với thực hiện dự án:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu. Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có), thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng);

- Văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ đối với trường hợp tự thực hiện;

- Văn bản phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chi phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

- Dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

- Kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (một phần hoặc toàn bộ) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đối với hợp đồng thi công xây dựng có giải phóng mặt bằng;

b) Hồ sơ tạm ứng (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn):

- Giấy đề nghị thanh toán vốn;

- Chứng từ chuyên tiền;

- Văn bản bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng theo quy định).

c) Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành):

c1) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng (gồm hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng): Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu.

c2) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện; Hợp đồng và Biên bản bàn giao nhà (đối với trường hợp mua nhà phục vụ di dân, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư).

- Đối với công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

- Đối với trường hợp khác mà khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Bảng kê chứng từ thanh toán (chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

c3) Đối với việc xây dựng các công trình (kể cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng) để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, tiết c1, c2, c4, c5 điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

c4) Đối với nhiệm vụ, dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Quyết định phê duyệt quyết toán; Chứng từ chuyên tiền.

c5) Đối với các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng kiểm toán, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền.

d) Hồ sơ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia:

Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này. Riêng đối với dự án có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (dự án nhóm C có quy mô nhỏ) có sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, hồ sơ pháp lý gồm:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình (đối với thực hiện dự án);

- Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng).

đ) Hồ sơ đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch: thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

e) Hồ sơ đối với trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi mà Kho bạc Nhà nước không phải kiểm soát: Chứng từ chuyển tiền.

g) Hồ sơ đối với trường hợp ủy thác quản lý dự án: Hợp đồng ủy thác, các hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

h) Hồ sơ đối với dự án đầu tư công đặc thù sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

h1) Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước (không bao gồm dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an): Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (trường hợp thu hồi vốn tạm ứng).

h2) Đối với dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm:

- Hồ sơ tạm ứng đối với dự án đầu tư công khẩn cấp: Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Lệnh hoặc văn bản cho phép xây dựng công trình khẩn cấp của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Hợp đồng (nếu có) hoặc dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (nếu có). Trường hợp cần tạm ứng khi chưa có hợp đồng, dự toán thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép; Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền; Văn bản bảo lãnh tạm ứng (đối với trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng vốn theo quy định).

- Hồ sơ tạm ứng đối với công trình tạm: thực hiện theo quy định tại điểm b mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

- Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành: Hợp đồng; Thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng) hoặc văn bản giao việc (đối với trường hợp tự thực hiện và không có hợp đồng); Các hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này (trừ thành phần hồ sơ đã gửi khi làm thủ tục tạm ứng vốn).

i) Hồ sơ đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

i1) Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án:

- Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: thực hiện theo quy định tại tiết a2 điểm a mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

- Đối với thực hiện dự án:

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: thực hiện theo quy định tại tiết a3 điểm a mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

+ Đối với dự án mua nhà, đất để làm trụ sở và nhà ở: Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Bản thỏa thuận nguyên tắc về việc mua bán nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có); Hợp đồng mua bán nhà, đất; Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc).

+ Đối với dự án gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: thực hiện theo quy định như hồ sơ đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hồ sơ đối với dự án mua nhà, đất để làm trụ sở và nhà ở.

+ Đối với dự án đầu tư thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm) để thực hiện đầu tư xây dựng: Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc thuê nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có); Hợp đồng thuê nhà, đất; Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc); Quyết định hoặc văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu. Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền; Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng), phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có), thỏa thuận liên doanh, liên danh (trường hợp hợp đồng liên doanh, liên danh mà các thỏa thuận liên doanh, liên danh không quy định trong hợp đồng); văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ đối với trường hợp tự thực hiện; Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

i2) Hồ sơ tạm ứng: Văn bản đề nghị tạm ứng vốn cho từng nội dung công việc của cơ quan chủ quản; Giấy đề nghị thanh toán vốn.

i3) Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành: Giấy đề nghị thanh toán vốn (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng) của cơ quan chủ quản cho từng nội dung công việc, Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đối với dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; Giấy rút vốn kiêm thu ngân sách nhà nước (trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng Đồng Việt Nam); Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng ngoại tệ); Chứng từ chuyển tiền khác (nếu có).

k) Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP):

k1) Đối với vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án PPP; bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm: thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

k2) Đối với vốn đầu tư công thực hiện tiêu dự án trong dự án PPP:

- Hồ sơ pháp lý của dự án: Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Quyết định phê duyệt dự án PPP của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án PPP (nếu có); Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật về PPP; Hợp đồng dự án PPP và các Phụ lục hợp đồng dự án PPP (nếu có); Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp dự án PPP theo quy định của pháp luật về PPP; Hợp đồng giữa doanh nghiệp dự án PPP và nhà thầu, Phụ lục hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có); Văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ đối với trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP tự thực hiện; Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán do doanh nghiệp dự án PPP phê duyệt theo quy định của pháp luật về PPP đối với các công việc, hạng mục công trình, công trình của tiêu dự án do nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP tự thực hiện, chỉ định thầu và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

- Hồ sơ thanh toán: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiêu dự án trong dự án PPP đề nghị thanh toán theo hợp đồng dự án PPP do doanh nghiệp dự án PPP lập có xác nhận của cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP; Văn bản xác nhận hoàn thành công trình của cơ quan ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật về PPP đối với phần vốn đề nghị thanh toán sau khi doanh nghiệp dự án PPP được xác nhận hoàn thành công trình; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư công thực hiện tiêu dự án trong dự án PPP của cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP; Chứng từ chuyên tiền.

k3) Đối với vốn đầu tư công chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án:

- Hồ sơ pháp lý: Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định chi trả chi phí xử lý khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Hồ sơ thanh toán: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền.

l) Hồ sơ thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

11) Đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước dành để đầu tư dự án đầu tư công: thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

12) Đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư dự án đầu tư công, trường hợp giải ngân tại Kho bạc Nhà nước thì thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục (4.1) phần (4) thủ tục này.

(4.2) Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l mục (4.1) phần (4) thủ tục này là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng chứng từ chuyên tiền là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thu hồi vốn là 02 bản gốc.

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

(5) Thời hạn giải quyết:

a) Đối với các khoản tạm ứng hoặc các khoản chi thực hiện theo hình thức "thanh toán trước, kiểm soát sau": trong 01 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

b) Đối với các khoản thanh toán: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

(6) Đối tượng thực hiện: các chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án của dự án sử dụng vốn đầu tư công.

(7) Cơ quan giải quyết: hệ thống Kho bạc Nhà nước (trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện).

(8) Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng: Xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, chứng từ chuyên tiền. Trường hợp chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng: Kho bạc Nhà nước thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

(9) Mẫu tờ khai: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền (Giấy rút vốn); Giấy rút vốn kiêm thu ngân sách nhà nước; Giấy đề nghị thu hồi

vốn; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng; Giấy đề nghị thanh toán vốn của chủ đầu tư (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài); Giấy đề nghị thanh toán vốn của cơ quan chủ quản (áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài); Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiêu dự án trong dự án PPP; Giấy đề nghị thanh toán phần vốn đầu tư công thực hiện tiêu dự án trong dự án PPP được quy định tương ứng theo các Mẫu số 04.a/TT, 05/TT, 06/TT, 04.b/TT, 03.a/TT, 03.b/TT, 03.c/TT, 04.a.nn/TT, 04.b.nn/TT, 07/TT, 09/PPP, 10/PPP tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

(10) *Phí, lệ phí*: Không.

(11) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

(12) *Căn cứ pháp lý*: các Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 và số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.

2. Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước:

(1) *Tên Thủ tục hành chính*: Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước.

(2) *Cách thức thực hiện*:

a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

(3) *Trình tự thực hiện*:

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước: Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp giao dịch trực tuyến qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước: Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và

gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước. Sau đó, Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi thông báo xác nhận đã thực hiện thanh toán (kèm chứng từ báo Nợ) cho đơn vị. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

Đối với các khoản chi được thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau trong trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, thì Kho bạc Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp; đồng thời, gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo kết quả kiểm soát chi cho đơn vị (trong đó, nêu rõ lý do từ chối thanh toán); sau đó, xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo. Trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc dự toán để giảm trừ thì Kho bạc Nhà nước có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(4.1) Hồ sơ kiểm soát, thanh toán:

a) Hồ sơ pháp lý (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): Kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao; Văn bản phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm (trừ trường hợp không yêu cầu phải lập dự toán hàng năm); dự toán và văn bản phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền (trường hợp tự thực hiện); Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính mà chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị); Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; Quyết định thành lập ban quản lý dự án hoặc văn bản quy định về tổ chức biên chế ban quản lý dự án của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản phê duyệt chi tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu (đối với các công việc phải thực hiện thông qua ký kết hợp đồng); Hợp đồng ủy thác quản lý dự án (đối với trường hợp chủ đầu tư thực hiện ủy thác quản lý dự án cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực theo quy định); Phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có).

b) Hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành) đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý một dự án hoặc chủ đầu tư ủy thác toàn bộ quản lý dự án cho ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực:

Hồ sơ tạm ứng vốn gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền.

Hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng), các hồ sơ có liên quan khác theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước đối với hồ sơ thanh toán các khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước từ tài khoản dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, hồ sơ thanh toán các khoản chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

c) Hồ sơ đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án hoặc chủ đầu tư ủy thác một phần quản lý dự án cho ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực:

Hồ sơ đề chuyển kinh phí quản lý dự án từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền.

Hồ sơ tạm ứng chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng) gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn, Chứng từ chuyển tiền.

Hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyển tiền; Giấy đề nghị thu hồi vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng); Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án; các hồ sơ có liên quan khác theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước đối với hồ sơ thanh toán các khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước từ tài khoản dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, hồ sơ thanh toán các khoản chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

(4.2) Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b và c mục (4.1) phần (4) thủ tục này là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng chứng từ chuyển tiền là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thanh toán tạm ứng là 02 bản gốc; bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng là 01 bản gốc.

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

(5) Thời hạn giải quyết:

a) Đối với các khoản tạm ứng hoặc các khoản chi thực hiện theo hình thức “*thanh toán trước, kiểm soát sau*”: trong 01 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

b) Đối với các khoản thanh toán: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

(6) *Đối tượng thực hiện*: các chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án của dự án sử dụng vốn đầu tư công.

(7) *Cơ quan giải quyết*: hệ thống Kho bạc Nhà nước (trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện).

(8) *Kết quả thực hiện*:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng chi phí quản lý dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: Xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên chứng từ chuyên tiền. Trường hợp chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước qua dịch vụ công, Kho bạc Nhà nước gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng chi phí quản lý dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: Kho bạc Nhà nước thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

(9) *Mẫu tờ khai*: Giấy đề nghị thanh toán vốn; Chứng từ chuyên tiền (Giấy rút vốn); Giấy rút vốn kiêm thu ngân sách nhà nước; Giấy đề nghị thu hồi vốn; Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án được quy định tương ứng theo các Mẫu số 04.a/TT, 05/TT, 06/TT, 04.b/TT, 11/QLDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

(10) *Phí, lệ phí*: Không.

(11) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

(12) *Căn cứ pháp lý*: Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

3. Thủ tục hành chính kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước:

(1) *Tên Thủ tục hành chính*: Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước.

(2) *Cách thức thực hiện*:

(a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở KBNN

(b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với KBNN (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

(3) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp thanh toán tại ngân hàng phục vụ:

Trường hợp giao dịch trực tiếp tại KBNN: chủ chương trình, dự án lập và gửi hồ sơ bằng văn bản giấy trực tiếp tại KBNN nơi giao dịch. KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, KBNN xác nhận tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của chủ chương trình, dự án. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN lập thông báo từ chối xác nhận (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

Trường hợp chủ chương trình, dự án lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN, KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi, nếu theo đúng chế độ quy định, KBNN xác nhận tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của chủ chương trình, dự án. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN lập thông báo từ chối xác nhận (trong đó nêu rõ lý do từ chối) gửi đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN.

b) Trường hợp thanh toán tại KBNN: Thực hiện theo quy định tại phần (2) thủ tục 1 Quyết định này.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(4.1) Thành phần hồ sơ

a) Hồ sơ lần đầu của dự án (gửi một lần khi giao dịch đầu tiên với KBNN hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung), bao gồm: Các hồ sơ gửi lần đầu theo quy định tại điểm a mục (4.1) phần (4) thủ tục 4 Quyết định 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và *điểm a mục (4.1) phần (4) thủ tục 1 Quyết định này. Hợp đồng giữa chủ đầu tư (chủ dự án) và nhà thầu phải có bản dịch sang tiếng Việt (có chữ ký và dấu của chủ dự án) phần các quy định về thanh toán của hợp đồng (trường hợp hợp đồng được ký bằng tiếng nước ngoài); bản dịch bằng tiếng Việt thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ (có chữ ký và dấu của chủ dự án); các thỏa thuận, thư hoặc văn bản "ý kiến không phản đối" của nhà tài trợ (nếu có).*

b) Hồ sơ tạm ứng, thanh toán (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng, thanh toán):

- Đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc kế hoạch vốn đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ và dự án cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ, các khoản viện trợ bằng tiền do chủ chương trình,

dự án bên Việt Nam thực hiện bố trí từ nguồn vốn đầu tư thì hồ sơ thực hiện theo quy định tại Thủ tục 1 Quyết định này.

- Đối với dự án hoặc các hoạt động thuộc dự toán chi sự nghiệp được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ và dự án cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ, viện trợ không hoàn lại hồ sơ thực hiện theo quy định tại thủ tục 4 Quyết định 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính kèm giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp.

Trường hợp hợp đồng quy định sử dụng chứng chỉ thanh toán tạm thời thay thế bằng xác định giá trị công việc hoàn thành, đơn vị gửi chứng chỉ thanh toán tạm thời ký giữa chủ dự án và nhà thầu.

Trường hợp xác nhận tại KBNN, thanh toán tại ngân hàng phục vụ, ngoài các hồ sơ nêu trên, Chủ đầu tư (chủ dự án) không phải gửi chứng từ chuyển tiền.

(4.2) Số lượng hồ sơ:

Được thực hiện theo quy định tại mục (4.2) phần (4) thủ tục 1 (trường hợp chi đầu tư) tại Quyết định này hoặc mục (4.2) phần (4) thủ tục 4 (trường hợp chi sự nghiệp) Quyết định 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Đối với giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp là 02 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính).

(5) Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của đơn vị (riêng các khoản tạm ứng vốn thì tối đa 1 ngày làm việc)

(6) Đối tượng thực hiện: Chủ chương trình, dự án của các dự án hoặc hợp phần dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát; các dự án áp dụng cơ chế cấp phát một lần, cho vay lại một phần theo tỷ lệ.

(7) Cơ quan giải quyết: KBNN (TW, cấp tỉnh, cấp huyện).

(8) Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp KBNN chấp thuận đề nghị xác nhận thanh toán, tạm ứng vốn nước ngoài: Xác nhận của KBNN trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp của chủ chương trình, dự án (đối với trường hợp xác nhận tại KBNN và thanh toán tại ngân hàng); xác nhận của KBNN trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và chứng từ chuyển tiền của chủ chương trình, dự án (đối với trường hợp thanh toán tại KBNN).

b) Trường hợp KBNN từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng vốn nước ngoài: KBNN thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, rút vốn hoặc từ chối xác nhận kiểm soát chi (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

(9) Mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp được quy định theo Mẫu số 14 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và các mẫu tờ khai có liên quan khác quy định tại phần (9) thủ tục 1 Quyết định này (trường hợp chi đầu tư) hoặc phần (9) thủ tục 4 Quyết định 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 (trường hợp chi sự nghiệp).

(10) Phí, lệ phí: Không

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

(12) Căn cứ pháp lý: Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Tên dự án: Mã dự án: ...
 Tên gói thầu: ...
 Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ...
 Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ... ngày ... tháng ... năm ...
 Chủ đầu tư: ...
 Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...
 Thanh toán lần thứ: ...
 Căn cứ xác định: ...
 Biên bản nghiệm thu số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		Thực hiện	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng số:												

- Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...
- Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: ...
- Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: ...
- Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: ...
- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng: ...
- Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: ... Số tiền bằng chữ: ... (là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này), trong đó:
 - Tạm ứng:
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...
- Lũy kế giá trị giải ngân: ..., trong đó:
 - Tạm ứng: ...
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

... ngày ... tháng ... năm ...

Mẫu số 03.b/TT

BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt			Ghi chú
		Số ngày, tháng, năm	Số tiền	Tổng số	Trong đó mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng	Giá trị Biên bản nghiệm thu bàn giao nhà	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức						
1	...						
2	...						
II.	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân						
1	...						
2	...						

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TỔ CHỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG

Tên dự án: Mã dự án:
 Tên gói thầu:
 Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ...
 Chủ đầu tư: ...
 Nhà thầu: ...
 Thanh toán lần thứ: ...
 Căn cứ xác định: ...
 Biên bản nghiệm thu số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng, ngoại tệ¹

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng			Đơn giá thanh toán		Thành tiền			Ghi chú	
			Tổng khối lượng phát sinh	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ này
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng số:												

- Tổng giá trị khối lượng phát sinh: ...
- Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: ...
- Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: ...
- Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: ...
- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng: ...
- Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: ... Số tiền bằng chữ: ... (à số tiền đề nghị giải ngân kỳ này), trong đó:
 - Tạm ứng: ...; - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...
- Lũy kế giá trị giải ngân: ... trong đó:
 - Tạm ứng: ...; - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...

¹ Đơn vị tiền là ngoại tệ áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài.

Mẫu số 04.a/TT

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KÊ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
--	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do : ...</i>			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan chủ quản).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: ngoại tệ

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi vốn tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào khu vực này

Số: ... Năm ngân sách: ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI VỐN

Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ điều kiện ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ... Mã DVQHNS: ...

Tài khoản: ... tại cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ... số CKC, HĐTH ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn: ... ngày .../.../...

Và số dư tạm ứng/ứng trước của dự án: ...

Đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán ... thanh toán để thu hồi số tiền đã tạm ứng /ứng trước chưa đủ ĐKTT thành thực chi ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số cơ quan kiểm soát, thanh toán duyệt thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI:

Số tiền bằng chữ : ...

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẢN GIHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
--	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do : ...</i>			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi Tạm ứng Chuyển khoản
 Ứng trước đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại ...
 Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại ...
 Tên dự án: ...
 Chủ đầu tư: ... Mã ĐVQHNS: ...
 Tài khoản: ... Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...
 Tên CTMT, DA: ...
 Mã CTMT, DA: ... Số CKC, HĐK: ...
 Số CKC, HĐTH ... Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày ... / ... / ...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...
 Trong đó:
NỘP THUẾ:
 Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...
 Mã số thuế: ... Mã NDKT: ... Mã chương: ...
 Cơ quan quản lý thu: ... Kỳ thuế: ...
 Cơ quan kiểm soát, thanh toán hạch toán khoản thu: ...
 Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...
THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG
 Đơn vị nhận tiền: ...
 Địa chỉ: ...
 Tài khoản: ... Mã CTMT, DA và HTCT: ...
 Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (NH): ...
 Hoặc người nhận tiền: ...
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...
 Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): ...

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI	
1. Nộp thuế:	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Mã CQ thu: ...	
Mã ĐBHC: ...	
2. Thanh toán cho ĐV hưởng:	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Mã ĐBHC: ...	

Ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI LÍNH TIỀN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
 Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ QUỸ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
 (Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

BỘ NGOẠI GIAO
GIẤY RÚT VỐN KIỂM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi

Tạm ứng

Ứng trước đủ đk thanh toán Ứng trước chưa đủ đk thanh toán

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ...

Tài khoản: ... tại ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán)

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày .../.../...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KH	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
								Nguyên tệ	Quy ra VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng:									

Đồng thời ghi thu ngân sách nhà nước chi tiết như sau:

Cơ quan quản lý khoản thu: ...

Mã chương: ... Mã số thuế: ... Kỳ nộp phí, lệ phí: ...

Nội dung	Mã NDKT	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
				Nguyên tệ	Quy ra VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Mã ĐBHC: ...	
Mã CQT: ...	

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ: ...

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

KÊ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN
(Ký, ghi họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

BỘ NGOẠI GIAO

Ngày ... tháng ... năm ...

KÊ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢNG NGOẠI TỆ

Thực chi Tạm ứng Chuyển khoản
Tiền mặt

Đơn vị rút dự toán: ...
Tài khoản: ...
Tại (cơ quan kiểm soát, thanh toán): ...
Tên CTMT, DA: ...
Mã CTMT, DA: ...
Số CKC, HDTH: ... Số CKC, HĐK: ...
Người lĩnh tiền: ...
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...
Nội dung chi: ...

**PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN GHI**

Mã ĐBHC: ...
1. Nợ TK: ...
 Có TK: ...
2. Nợ TK: ...
 Có TK: ...
Tỷ giá hoạch toán: ...

Chi tiết	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền bằng ngoại tệ	Số tiền quy ra VND
Tiền mặt:							
Phí ngân hàng:							
Tiền chuyển khoản							
Số tài khoản: ...							
Tên tài khoản: ...							
Tại ngân hàng: ...					SWIFT: ...		
Tên ngân hàng trung gian: ...					SWIFT: ...		
Tổng cộng:							

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...
Tổng số tiền VND ghi bằng chữ: ...

Phần cơ quan kiểm soát, thanh toán duyệt chi:

Kính gửi: Ngân hàng ...

(Cơ quan kiểm soát, thanh toán) đề nghị Ngân hàng ...
Trích tài khoản số: ... của (cơ quan kiểm soát, thanh toán) ...
Số tiền nguyên tệ ghi bằng số: ...
Ghi bằng chữ: ...

Chi tiết	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền quy ra VND
Tiền mặt:			
Phí ngân hàng:			
Tiền chuyển khoản			
Số tài khoản: ...			
Tên tài khoản: ...			
Tại ngân hàng: ... SWIFT: ...			
Tên ngân hàng trung gian: ... SWIFT: ...			
Tổng cộng			

Nội dung chi: ...

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN **KẾ TOÁN** **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên) **TRƯỞNG** **KIỂM SOÁT, THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu) **TRƯỞNG**
(Ký, ghi họ tên)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH TIÊU DỰ ÁN TRONG DỰ ÁN PPP

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ... ngày ... tháng ... năm ...

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...

Thanh toán lần thứ: ...

Căn cứ xác định: ...

Biên bản nghiệm thu số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện				Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng số:												

1. Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): ...
2. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: ...
3. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: ...
4. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: ...
5. Số tiền bằng chữ: ... (là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này).
6. Lũy kế giá trị giải ngân: ...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP DỰ ÁN PPP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

... ngày ... tháng ... năm ...

BỘ, NGÀNH, UBND CẤP TỈNH
CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

Mẫu số 10/PPP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GDN-(1)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN PHẦN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN TRONG DỰ ÁN PPP

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Doanh nghiệp dự án PPP: ... Mã số DVSDNS: ...

Số tài khoản của doanh nghiệp dự án PPP:

- Vốn trong nước (TN): ... tại: ...
- Vốn nước ngoài (NN): ... tại: ...

Căn cứ hợp đồng dự án giữa cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP và nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án PPP số ... ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Bảng tổng hợp giá trị khối lượng công việc hoàn thành tiêu dự án trong dự án PPP đề nghị thanh toán số ... ngày ... tháng ... năm ...

Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành của tiêu dự án trong dự án PPP đề nghị thanh toán: ... đồng

Số tiền đề nghị thanh toán:

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch vốn: ... Năm: ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng giá trị phần vốn đầu tư công thực hiện dự án tiêu dự án trong dự án PPP	Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành từ khởi công đến cuối kỳ trước	Lũy kế phần vốn đầu tư công đã		Số đề nghị thanh toán				
			Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN			
Thanh toán cho dự án ...									
Cộng									

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(1) Tên viết tắt của cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP.

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp thuận	Thanh toán	Theo nội dung
---	------------	---------------

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp thuận thanh toán như sau:

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp thuận			
Mục, tiêu mục			
Mục, tiêu mục			
Mục, tiêu mục			
Các năm trước			
Năm nay			
Thuế giá trị gia tăng			
...			
Số đơn vị thụ hưởng			
Bảng chữ			
Từ chối			
Lý do:			

Ghi chú: ...

CHUYÊN VIÊN KIỂM SOÁT CHỈ/
GIAO DỊCH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)